TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29-11-2019 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- THnh phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên - Thẩm tra viên toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa anh C có mặt, chị Lan Avắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Lan Atrình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 16/8/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau cùng gia đình anh C tại thôn Chợ Rịa, xã Phú Lộc, huyện Nho Quan. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc khoảng thời gian một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị

Lan Atrình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân chính là do anh C chơi bời mắc vào tệ nạn xã hội, anh C từng phải đi chấp hành án về tội ma túy, khi chấp hành án xong về gia đình anh C không tu dưỡng bản thân mà còn đánh đập chị. Từ tháng 6 năm 2019 giữa chị và anh C mâu thuẫn trầm trọng, chị đã đưa con về nH bố mẹ đẻ tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, hai vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Chị xác định chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/3/2018. Hiện nay cháu H đang ở với chị Lan A nguyện vọng của chị xin được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H sau ly hôn, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lan Axác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh C đã được tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh C biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến của anh bị đơn anh Nguyễn Văn C được thể hiện tại bản tự khai ngày 21/10/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Anh C thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị Lan Atrình bày là đúng. Theo anh vợ chồng anh có mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai vợ chồng còn trẻ chưa hiểu nhau, có những hiểu lầm không đáng có nên dẫn đến cãi chửi nhau. Quan điểm của anh C không muốn ly hôn mong tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị Lan Avẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì tùy chị Lan A Về con chung anh xác nhận anh và chị Lan A có một con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 28/3/2018, hiện cháu đang ở với chị Lan A, nếu chị Lan A cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng xin được nuôi cháu Minh H vì anh không muốn mang tiếng bỏ con, nếu không được anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản xác minh ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân với UBND xã P, quan điểm của UBND xã P thể hiện: Anh C và chị Lan A kết hôn theo đúng quy định pháp luật, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chị Lan A đã bỏ về quê tại Thanh Hóa ở. Anh Chị có 01 con chung hiện cháu đang ở với chị Lan A.

Do quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa bị đơn có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, đồng ý cho chị Lan A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, việc cấp dưỡng nuôi con anh C sẽ có nghĩa vụ tự nguyện.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lan A. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan Avà anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 28/3/2018, hiện cháu đang ở với chị Lan A cho chị Lan Atiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Minh H đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lan A.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Lan Aphải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lan Avà anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C chơi bời sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến phải đi chấp Hnh án. Bản thân anh C cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có và do vợ chồng anh còn trẻ suy nghĩ bồng bột. Tháng 5/2019 chị Lan Ađã cùng con về quê tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa ở. Anh C xác nhận nhiều lần tìm gặp chị Lan A để mong chị quay về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Lan Avẫn cương quyết xin ly hôn với anh C. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lan Avới anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Nguyện vọng của chị Lan A xin được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 28/3/2018, hiện cháu đang ở với chị, Hội đồng xét xử thấy: Xét điều kiện chị Lan A khỏe mạnh, có thu nhập, bên cạnh có bố mẹ đẻ giúp đỡ chăm sóc cháu. Hiện nay cháu Minh H mới được hơn một tuổi, mặt khác tại phiên tòa anh C cũng không tranh chấp mà đồng ý cho chị Lan Atiếp tục nuôi cháu. Do vậy, xét ý kiến của các bên và để đảm bảo lợi ích mọi mặt của cháu H nên giao cháu H cho chị Lan Atiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lan A không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lan Aphải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lan A. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 28/3/2018, hiện nay cháu đang ở với chị Lan A cho chị Lan Atiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Minh H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lan A.

Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Lan A phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị Lan A đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000301 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lan A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã P;*
- *Đương sự;*
- *Lưu./.*